

Tập 19

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang hai mươi:

(Sớ) Sở vị: Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc dã.

(疏) 所謂修證即不無，污染即不得也。

(Sớ: Nói: “Tu chứng tức là chẳng không, nhiễm ô là chẳng đắc”).

Đây là hai câu trong Lục Tổ Đàn Kinh, bao hàm ý nghĩa vô cùng sâu xa, mang nguyên tắc chỉ đạo rất hay cho sự tu học của chúng ta, hãy nên học tập. Đoạn công án này phát xuất từ chương Tham Thịnh Cơ Duyên trong [Pháp Bảo] Đàn Kinh.

(Diễn) “Tu chứng tức bất vô” giả, Nam Nhạc Nhượng thiền sư tham Lục Tổ.

(演) 修證即不無者，南岳讓禪師參六祖。

(Diễn: “Tu chứng tức chẳng không”: Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng tham yết Lục Tổ).

Vị này là thiền sư Hoài Nhượng, Ngài là sư phụ của thiền sư Mã Tổ. Thiền sư Đạo Nhất họ ngoài đời là Mã, nên trong Thiền Tông gọi Ngài là Mã Tổ, Ngài có ảnh hưởng hết sức sâu xa đối với Phật giáo Trung Quốc: “Mã Tổ kiến tùng lâm, Bách Trượng lập Thanh Quy” (Mã Tổ dựng tùng lâm, Bách Trượng lập Thanh Quy). Thoạt đầu, hai vị này hợp tác kiến lập chế độ tùng lâm cho Trung Quốc. Lục Tổ là đời thứ sáu, thiền sư Hoài Nhượng là đời thứ bảy, Mã Tổ là đời thứ tám, là đồ tôn của Lục Tổ. Thiền sư Hoài Nhượng đến chỗ Lục Tổ tham học.

(Diễn) Tổ vấn: “Thậm xứ lai?”

(演) 祖問甚處來。

(Diễn: Tổ hỏi: “Từ đâu đến?”)

Lục Tổ hỏi Ngài: “Ông từ nơi nào đến đây?”

(Diễn) Nhượng vân: “Tung Sơn”.

(演) 讓云：嵩山。

(Diễn: Ngài Hoài Nhượng thưa: “Tung Sơn”).

Ngài từ Tung Sơn đến. Tung Sơn¹ là Trung Nhạc. Về sau, Ngài trụ tại Nam Nhạc. Nam Nhạc là Hành Sơn thuộc tỉnh Hồ Nam.

(Diễn): Tổ vân: “Nhâm ma vật? Nhâm ma lai?”

(演) 祖云：恁麼物，恁麼來。

(Diễn): Tổ nói: “Vật gì thế? Đến như thế nào?”

Đây là cách nói thông dụng thời Đường, nói theo cách bây giờ là: “Rốt cuộc là vật gì vậy? Đến như thế nào?” Có ý nghĩa như vậy đó! Tức là hỏi: “Người đến rồi, vậy thì người là vật gì vậy?” Đây là cách cật vấn trong nhà Thiền, học trò đến xin tham học phải vượt qua được câu trắc nghiệm này, lời cật vấn được gọi là “*cơ phong*”². Lục Tổ khảo nghiệm ngài Hoài Nhượng. Thiền sư Hoài Nhượng hết sức thông minh, liền hiểu ngay “âm thanh ngoài dây đàn” trong câu nói của Lục Tổ, Ngài trả lời:

(Diễn): Nhượng vân: “Thuyết tự nhất vật, tức bất trúng”.

(演) 讓云：說似一物即不中。

(Diễn): Hoài Nhượng thưa: “Nếu nói là dường như có một vật sẽ chẳng trúng”.

Ý nghĩa của câu này là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xư diệt*”, nói không được. Nếu nói là dường như có vật chi đó, là vật gì đó, thì đã sai rồi! Đúng như Thiền gia đã nói: “*Khai khẩu tiện thác, động niệm giai quai*” (Mở miệng liền trật, suy nghĩ đều sai). Câu trả lời này hết sức cao minh, đủ thấy cảnh giới của Ngài cao lắm. Nếu tổ sư hỏi hai câu mà Ngài đáp: “Tôi là một người tu hành”, tôi đến như thế nào ư? “Tôi đi bộ đến đây” hay: “Tôi ngồi xe đến đây”. Đáp kiểu ấy cũng không sai, nhưng Tổ Sư nói: “Hay lắm! Biết người thuộc tiêu chuẩn phàm phu, không có kiến địa!” Thiền sư Hoài Nhượng đáp như vậy, gần như là đã đạt đến cảnh giới kiến địa, đương nhiên cảnh giới khá cao. Lục Tổ tiếp tục hỏi:

(Diễn) Hoàn giả tu chứng phủ?

¹ Tung Sơn nằm ở phía Bắc thành phố Đãng Phong, phía Tây tỉnh Hà Nam, gồm hai rừng Thiếu Thất và Thái Thất. Chùa Thiếu Lâm nằm trên ngọn Thiếu Thất.

² Cơ Phong còn gọi là Thiền Cơ hoặc Chuyển Ngữ. Cơ có nghĩa là kích phát sự chuyển biến trong nội tâm, là mấu chốt để khế hợp chân lý, chữ Phong (mũi nhọn) chỉ sự thích ứng nhạy bén, khít khao. Dùng chữ Cơ Phong để chỉ giữa thầy và trò có sự tương hợp khít khao, thầy nói ra, trò tiếp nhận ngay, khít khao không suy xuyên. Lời thầy nói ra, trò vừa nghe liền kích động sự giác ngộ trong nội tâm.

(演) 還假修證否。

(Diễn: Vẫn còn phải nhờ vào tu chứng ư?)

“Giả” (假) là nhờ cậy. Vẫn còn phải nhờ vào tu hành để chứng quả hay sao?

(Diễn) Vân: “*Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc*”.

(演) 云：修證即不無，染污即不得。

(Diễn: Thưa: “*Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được*”).

Câu trả lời của thiền sư Hoài Nhượng hết sức cao minh, hoàn toàn là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, “*Tu chứng tức bất vô*”: Ngài có tu, tu hành hằng ngày. Tuy tu hành hằng ngày, nhưng sự tu hành ấy là tu hành trên mặt Sự, tức là trên mặt sự tướng thì có tu, có chứng, nhưng trên Lý Thể thì không có, chẳng nhiễm mảy trần. Nói cách khác, thân có tu hành, tâm quyết định chẳng nhiễm ô! Câu thứ nhất đáp theo mặt Sự, câu thứ hai đáp theo mặt Lý. Lý - Sự vô ngại, Lý - Sự viên dung. Đã chẳng phải là chấp Sự phé Lý, mà cũng chẳng chấp Lý phé Sự. Hằng ngày tu, tu mà không tu. Câu đầu là tu, câu sau là không tu. Tu mà không tu. Câu sau là không tu, câu trước là tu, đó gọi là “*tu hành thật sự*”. Nêu một tấm gương rất tốt cho chúng ta. Bất luận dùng công phu như thế nào, Ngài tham Thiền, nay chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, vẫn giống nhau, trên mặt Sự thì có niệm, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu chẳng gián đoạn giữa chừng, hằng ngày niệm, đó là “*tu chứng tức bất vô*”.

Thế nhưng chúng ta nhất định phải thực hiện được câu sau đó: “*Nhiễm ô tức bất đắc*”. Tuy niệm Phật, tâm địa thanh tịnh, tuyệt chẳng nhiễm trước. Đó gọi là “*tam luân thể không*”. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, trong Phật pháp gọi chân tướng là “*Thật Tướng của các pháp*” (chư pháp Thật Tướng). Thật sự hiểu rõ, trong tâm chúng ta thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần. Niệm Phật đừng bị ô nhiễm bởi Phật hiệu, Thiền gia tham cứu Thoại Đầu chẳng bị câu Thoại Đầu ô nhiễm; nếu không, sẽ chẳng thể thành tựu. Người niệm Phật nếu bị Phật hiệu ô nhiễm thì làm sao có thể đắc nhất tâm? Đây chính là như trong Tánh Tông thường nói: “*Tam luân thể không*”. Niệm hay là chẳng niệm? Hằng ngày niệm từ sáng đến tối. Trong khi đang niệm, chẳng thấy tướng ta là người niệm, cũng chẳng thấy tướng của vị Phật được niệm, mà trong khoảng giữa cũng chẳng thấy danh hiệu được chấp trì, tam luân thể không, nhưng Phật hiệu

trộn chẳng gián đoạn giữa chừng. Câu trả lời Lục Tổ của đại sư Hoài Nhượng có ý nghĩa như thế. Tham Thiền cũng là “tam luân thể không”; thậm chí lễ bái, đọc tụng đều phải “tam luân thể không” thì mới có thể tương ứng. Tam luân chẳng không, sẽ chẳng thể thấy đạo, chẳng thể kiến tánh. Người niệm Phật mà tam luân chẳng không sẽ chẳng thể chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) *Kim vị tha tự chúng sanh nhất kỳ tu chứng, tự hữu trùng phản chi tích, tu chứng tức bất vô dã.*

(演) 今謂且就眾生一期修證，似有澄返之跡，修證即不無也。

(Diễn: *Nay nói: Nếu dựa theo sự tu chứng của chúng sanh trong một đời thì dường như có dấu vết “lắng trong, quay lại”, tức là “tu chứng chẳng không” vậy).*

“Nhất kỳ” là đời hiện tại, Trên mặt Sự dường như có những dấu vết, hình tướng như “lắng trong, quay lại”. Dẫu chính mình đã thấy tánh, thậm chí chính mình đã thành Phật, vẫn phải thị hiện những dấu vết, hình tướng ấy để làm gì vậy? Nhằm giáo hóa và nêu gương cho chúng sanh. Chính quý vị đã minh tâm kiến tánh, nhưng quý vị không niệm Phật lại bảo người ta niệm thì ai chịu niệm đây? Tự mình trộn chẳng niệm mà ông bảo chúng tôi niệm hay sao? Do vậy, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, vẫn phải nêu gương cho chúng sanh thấy.

Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật, kinh Phạm Võng nói sau khi thành Phật, Ngài đến thế giới này đã tám ngàn lần. Lần này là vào ba ngàn năm trước, thị hiện thành Phật lần thứ tám ngàn tại Ấn Độ. Thật ra, Ngài đã sớm thành Phật, mà vẫn phải thị hiện tám tướng thành đạo, đều để cho chúng ta xem, nêu gương cho chúng ta biết tu học phải theo cách nào. Chư Phật Như Lai và các đại Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, dụng ý hết sức sâu xa, chẳng những dùng ngôn giáo mà còn dùng thân giáo. Câu tiếp theo đây hoàn toàn luận theo mặt Thật Tướng.

(Diễn) *Nhi ư tự tánh thật vô đắc thất, tăng tổn, nhiễm ô tức bất đắc dã.*

(演) 而於自性實無得失增損，染污即不得也。

(Diễn: *Nhưng trong tự tánh không có được - mất, tăng - tổn, chính là “nhiễm ô sẽ chẳng được” vậy).*

“*Tu chứng tức bất vô*” là nói theo mặt sự tướng, nói trên mặt hình tướng. Nói theo phía tự tánh thanh tịnh tâm thì chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng nhơ, chẳng sạch. Bất luận quý vị tu theo cách nào, chắc chắn chẳng thể nói là tâm quý vị được tăng thêm một tí thanh tịnh nào, không hề có! Tu học không gì chẳng nhằm trừ phiền não và chấp trước mà thôi! Nhất định phải hiểu đạo lý này. Câu tiếp theo giải thích chữ “*ba A-tăng-kỳ kiếp*”.

(Sớ) Tam kỳ giả, tam A-tăng-kỳ kiếp dã. Tăng-kỳ giải kiến hậu văn.

(疏) 三祇者，三阿僧祇劫也。僧祇解見後文。

(Sớ: “Tam kỳ” là ba A-tăng-kỳ kiếp. Chữ Tăng-kỳ sẽ được giải thích trong phần sau).

Trong phần sau sẽ giảng.

(Sớ) Ngôn tam giả.

(疏) 言三者。

(Sớ: Nói ba là...)

Vì sao nói ba A-tăng-kỳ kiếp?

(Sớ) Dĩ Thích Ca thành đạo, tùng cổ Thích Ca chí Thi Khí, lịch thất vạn ngũ thiên Phật.

(疏) 以釋迦成道，從古釋迦至尸棄，歷七萬五千佛。

(Sớ: Là vì [tính cho đến] khi Phật Thích Ca thành đạo, từ cổ Phật Thích Ca cho đến Phật Thi Khí, đã trải qua bảy vạn năm ngàn vị Phật).

Thi Khí (Sikhin) là một vị Như Lai. Trong quá trình tu học, Phật Thích Ca đã gặp nhiều vị Phật như thế.

(Sớ) Tùng Thi Khí chí Nhiên Đăng, lịch thất vạn lục thiên Phật. Tùng Nhiên Đăng chí Tỳ Bà Thi, lịch thất vạn thất thiên Phật.

(疏) 從尸棄至燃燈，歷七萬六千佛。從燃燈至毗婆尸，歷七萬七千佛。

(Sớ: Từ Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng, trải qua bảy vạn sáu ngàn vị Phật. Từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Tỳ Bà Thi, trải qua bảy vạn bảy ngàn vị Phật).

Mỗi một giai đoạn là một A-tăng-kỳ kiếp, Ngài ở trong một A-tăng-kỳ kiếp gặp nhiều vị Phật như vậy.

(Sớ) Vân “tam kỳ” dã.

(疏) 云三祇也。

(Sớ: Nên nói là ba A-tăng-kỳ vậy).

Chư Phật đồng danh đồng hiệu rất nhiều! Danh hiệu của Phật là do căn cơ của chúng sanh mà kiến lập. Quý vị phải hiểu: Phật, Bồ Tát hoàn toàn không có danh hiệu. Phàm phu chúng ta đặt danh hiệu quá nửa là ứng với kỳ vọng của chính mình. Trước kia, cha mẹ đặt tên cho con cái, nhằm biểu thị sự kỳ vọng của cha mẹ đối với cuộc đời của con cái. Chư Phật, Bồ Tát lập danh hiệu ứng theo nhu cầu của chúng sanh. Nói cách khác, đây là tông chỉ dạy học của Phật, Bồ Tát. Đức Phật đến thành Phật trong thế giới Sa Bà này, danh hiệu của Ngài phải là Thích Ca Mâu Ni, bất luận là ai đến nơi này làm Phật, nhất định sẽ dùng danh hiệu ấy. Vì sao? Đối với thế giới Sa Bà, trong giai đoạn này phải dùng phương pháp ấy để dạy. Ý nghĩa của danh hiệu ấy (danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật) là: Thích Ca là Năng Nhân, [Năng Nhân] có ý nghĩa nhân từ. Nói cách khác, chúng sanh trong thế giới Sa Bà này thiếu khuyết lòng từ bi. Do vậy, nêu lên tông chỉ này. Thiếu khuyết tâm từ bi, và tâm lại quá loạn, tâm chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ. Do vậy, lại dùng hai chữ “*tịch mặc*”. Mâu Ni dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Mặc. Do đây biết rằng: Thích Ca Mâu Ni là Năng Nhân Tịch Mặc, nhằm nói trúng ngay căn bệnh của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Chúng ta niệm danh hiệu này là phải sanh khởi tâm niệm nhân từ, phải khởi lên tâm niệm thanh tịnh tịch diệt của chính mình, mang ý nghĩa này.

Nếu đức Phật Bốn Sư của chúng ta đến làm Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật, vì danh hiệu ấy chẳng có ích gì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều nhân từ, đều là đại từ, đại bi, quý vị còn muốn họ có lòng nhân thì chẳng có ý nghĩa gì cả! Ai nấy đều là nhất tâm bất loạn, tâm địa thanh tịnh; hai chữ Mâu Ni cũng không dùng được. Dem danh hiệu này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì người trong Tây

Phương Cực Lạc đều đã tu thành tựu rồi, cho nên phải cần dùng Vô Lượng Thọ. Do đây, có thể biết rằng: Danh hiệu của Phật, Bồ Tát do chúng sanh mà kiến lập, Ngài đến thế giới nào, thị hiện thân phận như thế nào, danh hiệu khác nhau. Danh hiệu ấy chính là tông chỉ dạy học, mà cũng là mảnh khoe dạy học, khiến cho hết thảy chúng sanh nghe tên, chấp trì, sẽ khởi lên quán chiếu, có thể đối trị những thói hư của chính mình. Do vậy, công đức của danh hiệu là chẳng thể nghĩ bàn.

“*Cổ Thích Ca*”: Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật mới phát tâm tu hành, gặp một vị Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Trạng huống của chúng sanh trong thế giới ấy đại khái chẳng khác tình trạng hiện thời của chúng ta cho lắm: Thiếu khuyết tâm từ bi, tâm tư tán loạn. Do vậy, đức Phật mới dùng danh hiệu ấy, tu hành trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

(Sớ) Bị kinh đa kiếp, viễn chi hựu viễn.

(疏) 備經多劫，遠之又遠。

(Sớ: Trải đủ nhiều kiếp, đã xa xôi lại càng xa hơn).

Hai câu này hình dung Thích Ca Mâu Ni Phật từ nhân đến quả, từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật đã trải qua nhiều kiếp. Chữ “*đa kiếp*” chỉ nhiều tiểu kiếp và đại kiếp. “*A-tăng-kỳ*” là một con số lớn, A-tăng-kỳ kiếp gồm quá nhiều kiếp! Do vậy, nói theo phương diện thời gian thì “*viễn chi hựu viễn*” (đã xa lại càng xa hơn).

Trong Phật Học Thập Tứ Giảng có nói tới Nhẫn Nhục Ba La Mật. Chúng ta tu pháp nếu không có tâm nhẫn nại thì làm sao thành tựu được? Con người hiện thời vẫn sợ chịu khổ, vậy là chẳng thể thành tựu! Trong Giới Kinh, đức Phật bảo chúng ta, khi Phật chẳng tại thế thì “*lấy Giới làm thầy*”, “*lấy khổ làm thầy*”. Vì sao? Khổ sẽ luôn nhắc nhở chính chúng ta phải cảnh tỉnh, hể hưởng thụ sẽ mê hoặc, điên đảo. Do vậy, Phật pháp, đặc biệt là Phật pháp Đại Thừa, chẳng tán thành khổ hạnh vô ích, nhưng nếu khổ hạnh có lợi ích đối với sự tu học của chúng ta thì đức Phật vẫn khen ngợi. Hạnh Đầu Đà của Tiểu Thừa là tu khổ hạnh, còn Đại Thừa thì quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm, nơi chương Đức Sanh Hữu Đức đồng tử, [hai vị thiện tri thức này] đại diện cho hàng Đẳng Giác Bồ Tát, trong chương ấy còn tán thán mười hai hạnh Đầu Đà, tán thán khổ hạnh. Khổ hạnh quả thật nhắc nhở chúng ta cảnh tỉnh, chẳng lưu luyến thế giới Sa Bà. Con người hể hưởng lạc sẽ lưu luyến thế giới này, đặc biệt là tu pháp môn Tịnh Độ, nếu lưu luyến thế giới này, làm sao vãng sanh? Do vậy, chúng ta đừng sợ khổ, hể có hoàn cảnh khổ hạnh thì chẳng cần nghĩ trọn

hết các phương pháp để tránh xa, [nếu tránh xa] sẽ là sai. Người tu hành phải nên “*tùy ngộ nhi an*” (an vui với hoàn cảnh), tùy duyên mà chẳng phan duyên. Khởi tâm động niệm tìm kiếm hoàn cảnh [sung sướng, thỏa ý] chính là phan duyên. Gặp những người chí đồng đạo hợp, đúng là có thể tự giúp chính mình mà còn có thể giúp đỡ Phật giáo, chúng ta có thể thường trụ ở nơi ấy.

Những vị đại đức xưa kia tạo lập tông lâm. Lúc hình thành, thoát đầu là mấy vị pháp sư chí đồng đạo hợp trụ ở nơi ấy để tán tu. Người học từ bốn phương sau khi nghe danh các Ngài dần dần kéo tới nơi ấy. Trước kia, con người thật thà hơn hiện thời, họ cảm thấy nơi ấy rất thích hợp, bèn ở lại, không đi đâu nữa, dần dần biến thành tông lâm có quy mô lớn. Do vậy, kiến lập tông lâm hoàn toàn chẳng phải là trước hết xây cất rất nhiều nhà cửa, rồi mới từ từ chiêu sinh. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, tông lâm chưa hề chiêu sinh, đều do mấy gian nhà tranh dần dần mở rộng, có bao nhiêu người thì cất thêm bấy nhiêu gian. Hiện thời, tại Đài Loan có rất nhiều ngôi chùa xây rất to mà chẳng có ai ở. Thời đại Mật Pháp mới có hiện tượng này! Do vậy, tu hành nhất định phải có tâm nhẫn nại, phải nhẫn nhục thì mới có thành tựu, nhất là đại chúng sống cùng một chỗ với nhau, đôi bên đều là phàm phu, tập khí đều rất nặng, nhất định phải nhường nhịn.

(Sớ) *Nhi kim bất việt nhất niệm, tật siêu sanh tử.*

(疏) 而今不越一念，疾超生死。

(Sớ: Nhưng nay chẳng vượt khỏi một niệm, nhanh chóng vượt thoát sanh tử).

Đây là nói pháp môn này thù thắng, chẳng cần phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, trong “*nhất niệm*” bèn vượt thoát. Nhất niệm là niệm gì vậy? Dưới đây sẽ nói rất rõ ràng.

(Sớ) *Nhất niệm giả, tức năng niệm A Di Đà Phật chi nhất niệm dã.*

(疏) 一念者，即能念阿彌陀佛之一念也。

(Sớ: Nhất niệm chính là một niệm, niệm A Di Đà Phật vậy).

Quý vị phải đọc kinh văn cho rõ ràng, không phải là nói “niệm A Di Đà Phật bèn có thể vượt thoát” mà là “*nhất niệm*”. Hiện thời quý vị niệm A Di Đà Phật, không sai, nhưng quý vị vẫn niệm rất nhiều thứ, không

phải là một niệm, mà là đa niệm. Niệm A Di Đà Phật mà còn đa niệm sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thể vượt trời ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Nếu quý vị có thể đoạn sạch hết thấy vọng niệm, chỉ có một niệm thì sẽ vượt thoát. Quý vị phải suy tính chuyện này cho kỹ, rốt cuộc là thế giới Cực Lạc tốt đẹp, hay là thế giới Sa Bà tốt đẹp? Chúng ta muốn thường sống trong thế giới Cực Lạc, hay là muốn sống mãi trong thế giới Sa Bà? So sánh sự tốt đẹp giữa hai thế giới. Thật sự so sánh rồi nếu chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phải buông xuống, phải xả được, bỏ nơi này, sẽ được Tây Phương Cực Lạc thế giới, như vậy thì mới có thể đạt được. Chẳng bỏ nơi đây sẽ chẳng đạt được thế giới Tây Phương. Xả sẽ được! Xả gì vậy? Xả hết thấy vọng niệm, nhất tâm niệm Phật, “*nhất tâm*” là nhất niệm, “*nhất niệm*” chính là nhất tâm. Trong tâm chẳng khởi tâm động niệm thì thôi, hễ khởi tâm động niệm bèn A Di Đà Phật, không có ý niệm thứ hai nào, niệm Phật như vậy sẽ thành công, hễ còn có tạp niệm là sai rồi! Ở đây chú trọng nhất niệm, chứ không chú trọng năng niệm. Sách Sớ Sao đã đặc biệt chỉ ra, nhất niệm chính là một câu Phật hiệu “A Di Đà Phật”.

(Sớ) Chư thánh giả, Phật cập Bồ Tát dã. Tự phàm vọng thánh, cách chi hựu cách.

(疏) 諸聖者，佛及菩薩也。自凡望聖，隔之又隔。

(Sớ: “Chư thánh” là Phật và Bồ Tát. Từ phàm hướng về thánh thì đã xa cách lại càng cách xa).

Từ phàm phu nhìn vào thánh nhân, đã xa cách lại càng cách xa, khoảng cách quá xa. Được gọi là “*thánh nhân*” chính là các vị đại Bồ Tát đã đăng địa (từ Sơ Địa trở lên) mới gọi là thánh nhân. Phật, Đẳng Giác Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, mười hai địa vị này được gọi là Thánh, những địa vị khác đều gọi là Tam Hiền Vị Bồ Tát. Phàm phu nhìn vào hàng Bồ Tát thuộc thánh vị, đúng là đã xa cách lại càng cách xa, nhưng hiện thời thì như thế nào?

(Sớ) Nhi kim bất xuất phiến ngôn, trực đăng Bất Thoái.

(疏) 而今不出片言，直登不退。

(Sớ: Nhưng nay chẳng rời khỏi một câu, lên thẳng địa vị Bất Thoái).

Sự “xa cách lại càng cách xa” bị tiêu trừ, dựa vào đâu để tiêu trừ? Dựa vào một câu A Di Đà Phật, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Rốt cuộc vẫn là thật hay giả vậy? Những điều này do chư Phật Như Lai, lịch đại tổ sư an ủi, khuyên khích chúng ta, hay là thật sự có chuyện ấy? Thừa cùng quý

vị, nếu chư Phật, Bồ Tát an ủi, khuyến khích chúng ta thì các Ngài là đại vọng ngữ, chắc chắn không thể nào như vậy được! Như Lai là bậc như ngữ, tức nói đúng như sự thật, sự thật như thế nào Ngài sẽ nói như thế ấy, chẳng tăng, chẳng giảm, hoàn toàn phù hợp chân tướng sự thật, chẳng giả tí nào! “*Trực đẳng Bất Thoái*”: Trong lời chú giải nêu rõ...

(Sớ) *Bất Thoái hữu tứ.*

(演) 不退有四。

(Sớ: *Bất Thoái có bốn loại.*)

Trong tương lai, đến phần kinh văn sẽ càng giảng [ý nghĩa Bất Thoái] tường tận hơn, ở đây chỉ nói đại lược.

(Diễn) *Dĩ vị đoạn phiền não, sanh Đồng Cư độ, vi Nguyên Bất Thoái. Phá Kiến Tư, sanh Phương Tiện độ, vi Hạnh Bất Thoái.*

(演) 以未斷煩惱，生同居土，為願不退。破見思，生方便土，為行不退。

(Diễn: *Do chưa đoạn phiền não, sanh vào cõi Đồng Cư là Nguyên Bất Thoái. Phá Kiến Tư phiền não, sanh vào cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái.*)

Chưa đoạn phiền não, nhưng phải chế phục phiền não, quý vị nhất định phải nhớ điều này. Nói tới đây, hôm nay khi dùng cơm tôi nghe các đồng học nói: Sau khi khóa giảng ở đây viên mãn, lại muốn sang chùa miếu khác tham phỏng, đó là năm mươi ba lần tham học, rất hiếm có! Nhưng quý vị phải hiểu: Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là sau khi Ngài đã đắc Căn Bản Trí. Do vậy, Ngài tham phỏng để thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Hiện thời quý vị chưa đắc Căn Bản Trí, đến các nơi tham học, kết quả là vô lượng vô biên tri kiến, đâm ra chính mình chẳng có gì để noi theo. Vì vậy, tham học có một điều kiện. Cổ nhân cầu pháp ắt phải có một vị thầy căn bản, đây là sư thừa. Phải đại triệt đại ngộ dưới tòa của vị thầy căn bản ấy rồi mới có thể lìa khỏi thầy, sau khi rời khỏi thầy bèn tham học, không có bản lãnh ấy, chẳng được! Có thể phân biệt chân - vọng, thị - phi, trong hết thấy cảnh giới nghe hiểu rõ ràng, quyết chẳng bị ảnh hưởng, quyết định chẳng dao động. Đó gọi là “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. Có bản lãnh ấy thì mới có thể tham học. Không có bản lãnh ấy sẽ chẳng thể tham học. Con người hiện thời chẳng

chịu làm như vậy. Vì thế, không có phước báo. Học sinh theo thầy chẳng chịu tách lìa, hạng học sinh như vậy tìm chẳng ra. Học sinh hiện thời thân cận một vị thầy, đại khái bảy ngày là cùng! Không có tâm nhẫn nại, bảy ngày thôi! Tôi nghe ông giảng kinh gần như tôi đã biết rồi, không cần phải học nữa, bỏ đi thôi! Như vậy thì làm sao mà thành công được? Do vậy, thật sự có thiện tri thức thì cũng chẳng thể nhận quý vị [làm học trò] được!

Trong pháp môn Tịnh Độ, trong mấy năm gần đây nhất đã nổi lên một trận phong ba về chuyện đời nghiệp vãng sanh và tiêu nghiệp vãng sanh, những người niệm Phật trong ngoài nước bị ảnh hưởng rất lớn. Từ xưa đến nay, trong pháp môn này đều nói “*đời nghiệp vãng sanh*”, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đều chưa đoạn phiền não. Đột nhiên có cư sĩ Trần Kiến Dân hướng dẫn một nhóm học trò tra cứu kinh điển, bảo trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề nói “*đời nghiệp vãng sanh*”, rồi ông ta chủ trương “*tiêu nghiệp vãng sanh*”. Do vậy, tất cả người niệm Phật đều hoang mang, chẳng thể đời nghiệp, hồng bát! Chúng ta chưa đoạn nghiệp, chẳng thể vãng sanh! Khi ấy tôi đến Mỹ, cư sĩ Châu Tuyên Đức vừa gặp mặt liền hỏi ngay chuyện này. Tôi bảo ông ta: “Tiêu nghiệp và đời nghiệp là một chuyện, tiêu một ít, mang theo một ít, mang theo một ít, tiêu một ít, đây là cùng một chuyện. Nói tiêu nghiệp cũng được! Mà nói mang theo nghiệp (đời nghiệp) cũng được!” Tôi bảo ông ta: “Nếu chẳng mang theo nghiệp thì sẽ thành Phật hết rồi, Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh. Nếu chẳng thể đời nghiệp, phải tiêu hết nghiệp mới được vãng sanh thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có chư Phật và chư Phật, Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng có phần!”

Nếu nói kinh điển không có bốn chữ “*đời nghiệp vãng sanh*” thì những gì Phật không nói quá nhiều! Tuy không có câu nói ấy, không có mặt chữ ấy, nhưng ý nghĩa thì có! Tịnh Độ có nói “*ba bậc, chín phẩm*” hay chẳng? Có! Nếu chẳng đời nghiệp, thử hỏi làm sao giảng ba bậc, chín phẩm cho xuôi? Giảng chẳng xuôi! Đã nói “*ba bậc, chín phẩm*”, đương nhiên là đời nghiệp vãng sanh. Do vậy, chẳng thể dễ dãi để luận điệu của một cá nhân lay động căn bản của chính mình, khiến tín tâm của chính mình bị dao động, làm lẫn quá lớn rồi! Nói tiêu nghiệp cũng suông, là ví như sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tuy chưa đoạn phiền não, chủng tử, tập khí phiền não chưa đoạn, nhưng nhất định phải tiêu trừ phiền não hiện hành, há chẳng phải là tiêu một phần, mang theo một phần ư? Khuất phục phiền não, sức của một câu Phật hiệu chẳng chế ngự được phiền não sẽ chẳng thể vãng sanh. Đây là đạo lý nhất định!

“*Phá Kiến Tư*” tức là tiêu Kiến Tư phiền não, tiêu nghiệp đây! “*Sanh vào cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái*”: Tiêu trừ Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não vẫn còn, Vô Minh phiền não vẫn mang theo, há chẳng phải là tiêu một chút, mang theo một chút ư? Tiêu nhiều thì mang theo ít, tiêu ít thì mang theo nhiều; tiêu càng nhiều, phẩm vị càng cao; mang theo càng nhiều phẩm vị càng thấp, chuyện là như vậy đó. Có gì mà phải tranh cãi nữa? Chẳng cần phải tranh chấp. Cùng là một chuyện, cùng một ý nghĩa; nhưng hai câu nói này, mỗi câu có dụng ý riêng. Nói “đới nghiệp vãng sanh” thì chúng ta nghe câu này, chính mình cảm thấy Tây Phương Tịnh Độ ta có phần, ai nấy đều kiến lập cái tâm tự tin cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mang theo nghiệp vẫn được vãng sanh, được đây! Chúng ta có hy vọng, có thể mong mỏi rồi! Nói tiêu nghiệp mới có thể vãng sanh thì cũng nhằm dụng ý khác: Hy vọng quý vị tiêu nghiệp nhiều một chút, hy vọng quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tăng cao phẩm vị. Hai cách nói vốn không mâu thuẫn, đều hay cả! Như vậy thì sẽ tiêu trừ được cách nhìn lệch lạc của nhiều người, lại còn sốt sắng niệm Phật, nhất tâm chấp trì danh hiệu, chắc chắn có thể vãng sanh.

Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư là mức thấp nhất, là tối thiểu. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cũng có ba bậc, chín phẩm. Trong kinh và các bản chú sớ đều nói điều này rất tường tận: Mỗi cõi trong bốn cõi đều có ba bậc chín phẩm. Do vậy, chúng ta sốt sắng đoạn phiền não; trước hết, khuất phục phiền não, công lực đạt tới mức thì sẽ tự nhiên có thể đoạn được phiền não. Công phu khuất phục phiền não cũng có sâu hay cạn khác nhau, quý vị có thể tự mình kiểm nghiệm chuyện này. Ví như niệm Phật, năm thứ nhất công phu như thế nào, năm thứ hai công phu ra sao, năm thứ ba công phu ra sao? Tự mình có thể thấy được! Lúc khởi đầu khuất phục phiền não, muốn khuất phục phiền não cũng không được, miễn cưỡng lắm mới có thể khuất phục phiền não, công phu tăng tấn hơn thì khuất phục phiền não chẳng tốn công sức cho lắm. Khi tiến bộ hơn, rất dễ dàng khuất phục phiền não. Từ những điều này mà có thể thấy công phu niệm Phật là sâu hay cạn, chứ không phải do niệm Phật mỗi ngày bao nhiêu câu. Quý vị một ngày niệm mười vạn tiếng, nhưng chẳng thể chế phục phiền não thì vẫn uổng công, chẳng thể vãng sanh! Công phu là do chế phục phiền não, thật sự có thể chế phục nó. Công phu tối thượng thừa là đoạn vô minh. Trần Sa, vô minh cũng phải chế phục trước rồi sau mới đoạn, ba bậc chín phẩm do đây mà có. Do vậy, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư là Nguyên Bất Thoái, sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư là Hạnh Bất Thoái.

(Diễn) Phá trần sa, phần phá vô minh, sanh Thật Báo độ, vi Trí Bất Thoái.

(演) 破塵沙，分破無明，生實報土，為智不退。

(Diễn: Phá trần sa, phá một phần vô minh, sanh vào cõi Thật Báo là Trí Bất Thoái).

Trong kinh vẫn gọi Trí Bất Thoái là Niệm Bất Thoái.

(Diễn) Phá Tam Hoặc tận, sanh Tịch Quang độ, vi Vị Bất Thoái, tức Bất Thoái danh đồng, nhi thiên thâm tự biệt.

(演) 破三惑盡，生寂光土，為位不退。則不退名同，而淺深自別。

(Diễn: Phá sạch Tam Hoặc, sanh vào cõi Tịch Quang là Vị Bất Thoái. Tuy cùng gọi là Bất Thoái, nhưng cạn, sâu khác nhau).

“Phá Tam Hoặc tận” (phá sạch Tam Hoặc): Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh đều đoạn sạch, “sanh vào cõi Tịch Quang”, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ. “Vị Bất Thoái”: Đây là địa vị Phật, không phải là địa vị của hàng Bồ Tát. Nói cách khác, đã thành Phật, tuyệt đối chẳng lui sụt xuống địa vị phàm phu. Đây cũng là điều chúng ta rất quan tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lâu Na hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật: “Chúng con tốn bao nhiêu thời gian tu hành như vậy, sau khi thành Phật có khởi vô minh nữa hay không? Có còn lui sụt xuống phàm phu nữa không?” Ở đây, đại sư bảo chúng ta: Thật sự đoạn sạch Tam Hoặc, trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ, tuyệt đối chẳng thoái chuyển! Dầu thừa nguyện tái lai, thả chiếc bè Từ, vẫn chẳng thoái chuyển.

Ví như Quán Âm Bồ Tát đã sớm thành Phật, Ngài quyết định chẳng thoái chuyển, tuy Ngài thị hiện làm Đẳng Giác Bồ Tát trong Tây Phương Tịnh Độ, thật ra, Ngài vẫn là Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, Ngài xuất hiện dưới thân phận Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát, Ngài vẫn là Phật. Trong hội Lăng Nghiêm, Ngài thị hiện thuộc địa vị Sơ Trụ, Ngài vẫn là Phật. Đây là tùy loại hóa thân, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy, chắc chắn chẳng thoái chuyển. Ví như quý vị học đến học vị Tiến Sĩ, có tư cách đảm nhiệm chức vụ giáo sư đại học, mà cũng có thể làm giáo viên tiểu học. Khi làm giáo viên tiểu học, có phải là học vị Tiến Sĩ đã bị lui sụt hay không? Học vị của quý vị vẫn là Tiến Sĩ, chẳng bị lui sụt. Phật, Bồ Tát vì

độ hết thấy chúng sanh, thân phận luôn chuyển biến, đây là đại từ đại bi tùy loại hiện thân. Ở đây, nói tới bốn thứ Bất Thoái, cùng mang tên là Bất Thoái, nhưng trong ấy có sai biệt sâu hay cạn rất lớn.

Những điều này đều nhằm giải thích công đức lợi ích do thọ trì một câu danh hiệu Di Đà, vượt trội sự tu hành trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng ngăn cách với chư Phật và Bồ Xứ Bồ Tát mà hòa lẫn thành một khối. Chỉ cần quý vị vãng sanh Tây Phương thế giới, dầu là hạ phẩm hạ sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quý vị vẫn có thể hằng ngày ở chung một chỗ với các vị Đăng Giác Bồ Tát. Sức huân tập to lớn dường ấy! Trong hết thấy kinh luận khác chúng ta chưa hề thấy cơ duyên này! Trong hết thấy các thế giới chư Phật cũng không có, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhân duyên thù thắng như vậy. Do vậy, pháp môn này mới được mười phương hết thấy chư Phật khen ngợi, kinh này chỉ nêu đại lược sáu phương Phật khen ngợi. Kinh này là kinh chẳng thể nghĩ bàn, pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Kinh này vốn có tên là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Quý vị hãy suy nghĩ đề mục kinh này, chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Chí tai nhị cú, tán từ. Chí, cực dã.

(疏) 至哉二句，讚辭。至，極也。

(Sớ: Hai câu “tột bậc thay” là lời khen ngợi. Chí là tột bậc).

Đạt đến chỗ cùng cực,

(Sớ) Chí cực nhi vô dĩ gia dã.

(疏) 至極而無以加也。

(Sớ: Đạt đến chỗ cùng cực không còn thêm gì được nữa).

Câu này nói thật đấy! Trong bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni nói hết thấy pháp môn, pháp môn này cao chót vót, chí cao vô thượng! Không còn có pháp môn nào cao hơn, không có pháp môn nào viên mãn hơn. Đây là khen ngợi đến tột bậc. Chúng ta nghe lời tán thán như vậy, chưa chắc đã đồng ý, vì sao? Anh tu Tịnh Độ, anh khen ngợi Tịnh Độ. Tục ngữ có câu: “*Lão Vương mại qua, tự mại, tự khoa*” (Ông già Vương bán dưa, tự bán, tự khoe). Há có phải Liên Trì đại sư cũng mắc cái tật ấy hay chẳng? Trong phần sau, lão nhân gia nêu bày Lý - Sự đến tột cùng, chúng ta nghe xong chẳng thể không tin tưởng.

(Sớ) Diệu giả, tức thượng tứ cú tổng minh diệu nghĩa.

(疏) 妙者，即上四句總明妙義。

(Sớ: “Diệu” là bốn câu trong phần trên đã nêu tổng quát ý nghĩa của Diệu).

Bốn câu “trùng trước nhi thanh, phản bối nhi hướng, việt tam kỳ u nhất niệm, tề chư thánh u phiến ngôn” (lắng đục trở thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về, vượt trời ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, bằng với chư thánh trong một lời) màu nhiệm đến tột bậc. Diệu dụng tột cùng vậy thay!

(Sớ) Dụng giả, lực dụng dã.

(Diễn) Lực dụng lực tự, nội hàm tam nghĩa.

(疏) 用者，力用也。

(演) 力用力字，內含三義。

(Sớ: Dụng là lực dụng.

Diễn: Chữ Lực trong “lực dụng” bao gồm ba ý nghĩa).

Không nói ra thì chúng ta chẳng hiểu rõ, chẳng thể tin.

(Diễn) Nhất giả, bốn tánh công đức lực.

(演) 一者、本性功德力。

(Diễn: Một là sức công đức của bốn tánh).

Đây là điều mỗi người đều có sẵn, sức ấy chẳng thể nghĩ bàn, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do sức này biến hiện ra. Tự tánh vốn sẵn có đủ, đây là Tánh Đức. Câu thứ hai nói về Tu Đức. Tuy có Tánh Đức, nhưng nếu không có Tu Đức, Tánh Đức chẳng thể hiện tiền.

(Diễn) Nhị giả, hành nhân niệm lực.

(演) 二者、行人念力。

(Diễn: Hai là niệm lực của hành nhân).

“Hành nhân” là người phát tâm tu học pháp môn Tịnh Độ, mà cũng là người phát tâm trì danh niệm Phật. Người ấy có thể niệm, chịu niệm, niệm niệm chẳng lìa Phật hiệu, chẳng khởi tâm động niệm thì thôi. Hễ

khởi tâm động niệm bèn “A Di Đà Phật”. Sức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đây là Tự Lực.

(Diễn) Tam giả, Di Đà nguyện lực.

(演) 三者、彌陀願力。

(Diễn: Ba là Di Đà nguyện lực).

Loại thứ ba là Tha Lực, tức “Di Đà nguyện lực”. Pháp môn này được gọi là “pháp môn Nhị Lực”, nhưng quý vị phải hiểu: Di Đà nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn!

Di Đà nguyện lực tuyệt đối bình đẳng, rộng lớn, sâu xa, nhưng nếu niệm lực của bản thân chúng ta chẳng đầy đủ, sẽ chẳng thể kết thành một Thể với Di Đà nguyện lực. Di Đà nguyện lực đầu lớn cũng không có cách nào giúp chúng ta vãng sanh.

Nhất định phải thành tựu niệm lực của chính mình thì mới có thể kết thành một Thể với Di Đà nguyện lực. Như vậy thì mới có thể đời nghiệp vãng sanh. Tiếp theo đây là tỷ dụ.

(Diễn) Bỏ tánh như châu thuyền.

(演) 本性如舟船。

(Diễn: Bỏ tánh như thuyền ghe).

Là bản thể.

(Diễn) Niệm lực như lỗ trạo.

(演) 念力如櫓棹。

(Diễn: Niệm lực như mái chèo).

Chèo thuyền, thuyền nhỏ dùng Tương (槳: mái chèo nhỏ), thuyền lớn dùng Lỗ (櫓: mái chèo to).

(Diễn) Nguyện lực như thuận phong, tam lực châu viên, tất đăng bỉ ngạn cố.

(演) 願力如順風。三力周圓，必登彼岸故。

(Diễn: Nguyện lực như xuôi gió. Ba lực tròn đủ, ắt lên được bờ kia).

Câu này nói rõ vì sao quý vị có thể vãng sanh, và cũng nói rõ vì sao quý vị có thể thành tựu trong một đời, chẳng cần phải trải qua ba đại A-

tăng-kỳ kiếp, đạo lý là đây. Những pháp môn khác nói đến thành tựu, nói chung nêu ra một đạo lý khiến cho chúng ta tin tưởng, chúng ta có thể suy nghĩ, và thấy đạo lý ấy hợp lý, vậy là đúng, thì chúng ta mới có thể tin tưởng. Đạo lý này nói hết sức bình thường, chân thật. Đức Thế Tôn, A Di Đà Phật chẳng gạt người, chẳng nói: “Chỉ cần người đến chỗ ta, tôn ta làm thầy, ta sẽ xoa đầu người, thọ ký cho người, người có thể vãng sanh!” Hoặc là: “Ta cấp cho người một giấy chứng nhận, trong tương lai người có thể dựa vào giấy chứng nhận ấy để tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, không cần phải niệm Phật”. Trong thời kỳ Mạt Pháp, những kẻ tác quái rất nhiều, chúng sanh đúng là ngu si, mắc lừa dễ dàng! Những điều ấy là giả, chẳng phải thật, làm sao có chuyện chẳng tốn sức mà có thể vãng sanh? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn Niệm Phật của Tịnh Độ được gọi là “*dị hành đạo*” (đạo dễ hành), không có pháp nào khác dễ dàng bằng! Tuy dễ dàng, nhưng chính mình phải niệm đến mức nhất tâm, đây là điều kiện cơ bản, nhất tâm xưng niệm. Ngàn vạn phần đừng bị kẻ khác dối gạt!

Công phu là gì? Chế phục phiền não là công phu, phá Ngã Chấp là công phu. Bất luận quý vị dùng phương pháp thiện xảo nào, nếu chẳng thể chế phục phiền não, chẳng thể phá Ngã Chấp thì đều là giả, chắc chắn chẳng phải là thật. [Nếu nghe kẻ nào khoe khoang] “dùng phương pháp này, quý vị đến nơi đây học, chẳng đầy mấy ngày bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, quý vị có tin được hay không? Quý vị cứ thử làm xem, đến học mấy ngày, khai ngộ rồi thì hãy xem sau khi khai ngộ là như thế nào. Ngộ rồi, “tôi đã khai ngộ rồi”, vẫn còn có Ngã Chấp! “Quý vị chưa khai ngộ, chứ tôi đã khai ngộ rồi”, Tứ Tướng trọn đủ: Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng trọn đủ. Phân biệt, chấp trước, tà tri, tà kiến, thứ gì cũng chẳng thể tách lìa được, người ấy khai ngộ cái gì vậy? Tăng thượng mạn! Ngạo nghễ, ngã mạn, khai ngộ rồi mà coi thường người khác! Người khác chưa khai ngộ, kẻ ấy đã khai ngộ, không coi ai ra gì, giả trá! Sau khi ngộ, tâm sẽ thanh tịnh, bình đẳng, cung kính hết thầy. Người đã ngộ sẽ tu pháp môn nào? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngộ, bắt đầu tu, lấy mười đại nguyện vương làm nguyên tắc, điều thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”. Người đã ngộ đối với bất cứ một ai sẽ nhất định là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính, quyết định chẳng ngạo nghễ, ngã mạn, quyết định chẳng có thói tự khen, chê người, người giác ngộ là như vậy đây! Quý vị hãy đọc kinh Đại Thừa nhiều hơn, quý vị có thể thấy thấu suốt những màn kịch của bọn chúng, chẳng đáng ngó tới! Những kẻ ấy

đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”.

(Sớ) *Phù cầu tâm nan tịnh, hỗn nhược Hoàng Hà, vọng tưởng nan tiêu, dật như bồn mã, lịch Hằng sa vô số lượng chi kiếp, luân chuyển vị hưu.*

(疏) 夫垢心難淨，混若黃河，妄想難收，逸如奔馬，歷恆沙無數量之劫，輪轉未休。

(Sớ: Tâm nơ khó tịnh, đục như Hoàng Hà. Vọng tưởng khó gom, phóng túng như ngựa chạy cuồng, trải vô số lượng kiếp nhiều như cát sông Hằng, luân chuyển chẳng ngớt).

Đoạn này nói tâm chúng ta có vô lượng vô biên ô nhiễm, phiền não, vô minh, tà kiến, cảm vùi quả báo đời đời kiếp kiếp luân hồi sanh tử. Chúng ta phải hiểu những nỗi khổ này, khổ quá sức!

(Sớ) *Công Tam Tạng thập nhị bộ chi văn, giác lộ di viễn.*

(疏) 攻三藏十二部之文，覺路彌遠。

(Sớ: Dốc sức nơi kinh văn trong Tam Tạng mười hai bộ loại, đường giác ngộ xa vời vợi).

Câu nào cũng đều là lời thật.

(Sớ) *Nhi năng sử trược giả thanh, bồi giả hướng, nhất niệm đốn siêu, phiền ngôn tức chứng, lực dụng chi diệu, hà khả tư nghị.*

(疏) 而能使濁者清，背者向，一念頓超，片言即證，力用之妙，何可思議。

(Sớ: Nhưng có thể khiến cho đục biến thành trong, trái nghịch trở thành hướng về, nhanh chóng vượt thoát trong một niệm, do một lời liền chứng đắc, làm sao có thể nghĩ bàn lực dụng mầu nhiệm [của kinh A Di Đà] cho được?)

Đoạn này nhằm giải thích lực dụng mầu nhiệm của kinh này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta đọc mấy câu này phải nên tin tưởng. “*Tam Tạng*” (Tripitaka) là danh xưng chung của toàn bộ kinh điển trong Phật pháp. “*Thập nhị bộ*” (Dvādaśāṅga-Buddha-Vacana): Đức Phật nói kinh có mười hai phương thức, [mười hai phương thức ấy] được gọi là Thập

Nhị Bộ, tức là có mười hai thể loại bất đồng. Trong lời chú giải có nêu ra tên gọi của mười hai loại ấy.

(Diễn) Tam Tạng, vị Kinh, Luật, Luận.

(演) 三藏，謂經律論。

(Diễn: Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận).

Nói chung, mọi người đều biết điều này. Còn một cách giải thích khác.

(Diễn) Hựu Phật Tạng, Bồ Tát Tạng, Thanh Văn Tạng.

(演) 又佛藏、菩薩藏、聲聞藏。

(Diễn: Lại còn có nghĩa là Phật Tạng, Bồ Tát Tạng, và Thanh Văn Tạng).

Phật Tạng là pháp Nhất Thừa. Theo cổ đại đức phán định, trong kinh điển chỉ có ba bộ là: Kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa thuộc Nhất Thừa Viên Giáo, có thể gọi là Phật Tạng. Kinh Phạm Võng là Nhất Thừa Biệt Giáo cũng có thể xưng là Phật Tạng. Bồ Tát Tạng là kinh Đại Thừa. Thanh Văn Tạng là kinh Tiểu Thừa. Kinh này (kinh A Di Đà) đặc biệt lắm! Nó vượt khỏi Tam Tạng mười hai bộ loại, đây chính là điều đại sư tán thán đến tột bậc. Tiếp theo là nói về mười hai bộ.

(Diễn) Thập nhị bộ, vị Tu Đa La.

(演) 十二部，謂修多羅。

(Diễn: Mười hai bộ, gồm Tu Đa La...)

Loại thứ nhất trong mười hai bộ là Tu Đa La (Sūtra), đây là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là Khế Kinh, chuyên chỉ loại văn trường hàng, mà nay chúng ta gọi là “thể tài tản văn” (thể loại văn xuôi).

(Diễn) Trùng Tụng.

(演) 重頌。

(Diễn: Trùng Tụng).

Loại thứ hai là Trùng Tụng (Geya). Tụng (頌) tương tự như thi ca của Trung Quốc. Sau khi nói một đoạn khai thị, đức Phật thường dùng thể

tài thi ca, câu cú rất cân đối để nhắc lại ý nghĩa một lượt. Điều này có ý nghĩa rất sâu, vì phải ghi nhớ kinh văn; nếu không nhớ kinh văn, quý vị sẽ không có cách nào quán tưởng, nhưng văn trường hàng quá dài, chẳng thuận tiện tụng thuộc. Do vậy, dùng thể tài thi ca để nhắc lại một lượt những ý nghĩa trọng yếu cho tiện tụng thuộc. Đây là ý nghĩa thứ nhất.

Còn một ý nghĩa khác nữa: Hội giảng kinh không giống như dạy học trong nhà trường, học sinh cố định, đến giờ lên lớp, mọi người đều có mặt. Ở nơi giảng kinh thì có kẻ đến trước, người đến sau, có khi đã giảng kinh được một nửa rồi họ mới tới. Đức Phật hết sức từ bi, đối với những người đến sau chưa nghe được nửa phần trước, Phật dùng kệ tụng để nhắc lại những ý chính trong phần trước một cách đơn giản, khiến cho người đến sau cũng có thể nắm được ý nghĩa hoàn chỉnh. Đây là phương cách đại từ đại bi, cho nên trong kinh thường có Trùng Tụng. Trong kinh Hoa Nghiêm, Kệ Tụng hết sức nhiều, gần như sau mỗi đoạn văn trường hàng đều có một đoạn Kệ Tụng, quá nửa những đoạn Kệ Tụng ấy là Trùng Tụng, cho thấy Phật thật sự từ bi!

(Diễn) Thọ Ký.

(演) 授記。

(Diễn: Thọ Ký).

Loại thứ ba là Thọ Ký (Vyākaraṇa), tức là dự ngôn (lời tiên đoán), có thể đoán trước quý vị sẽ thành Phật khi nào trong tương lai, ở trong thế giới nào, Phật có danh hiệu là gì, thế giới có tên gọi là gì, quý vị sẽ giảng kinh bao nhiêu hội tại đó, độ bao nhiêu chúng sanh. Thế nhưng để được thọ ký phải có điều kiện: Gần như là đã đạt đến Thập Địa Bồ Tát mới được thọ ký, vì vị ấy chẳng bao lâu sẽ thành Phật. Đang là hạng phàm phu sát đất thì sẽ thọ ký điều gì cho quý vị? Trong Phật pháp, đó là thọ ký quý vị sẽ thành Phật.

(Diễn) Cô Khởi Tụng.

(演) 孤起頌。

(Diễn: Cô Khởi Tụng).

Loại thứ tư là Cô Khởi Tụng (Gāthā), đây cũng là Kệ Tụng. Loại Kệ Tụng này không phải là Trùng Tụng, mà nhằm để nói những điều chưa được nói tới trong phần trước. Do vậy, loại Kệ Tụng này không nhiều. Những điều chưa được nói đến trong phần trước, sẽ dùng Kệ Tụng để bổ sung, khiến cho ý nghĩa hoàn chỉnh hơn. Hoặc là đối với những điều đã

nói tới trong phần trước, ngay khi ấy có người hỏi, trong thánh chúng có nghi vấn, tuy [người có nghi vấn ấy] chưa nêu ra, nhưng trong tâm đã dấy lên ý niệm, Phật liền biết ngay (Phật có Tha Tâm Thông), Ngài bèn dùng Cô Khởi Tụng để trả lời. Trong kinh Đại Thừa chúng ta thường thấy Phật trả lời câu hỏi của chúng sanh, có trường hợp là “ý thỉnh” (trong tâm muốn hỏi), hoàn toàn chẳng phải là ngôn ngữ. Trong tâm có ý nghĩ ấy, đức Phật liền biết ngay, giảng cho họ.

(Diễn) Vô Vấn Tự Thuyết.

(演) 無問自說。

(Diễn: Vô Vấn Tự Thuyết).

Loại thứ năm là Vô Vấn Tự Thuyết (Udāna). Pháp môn này nhất định phải là pháp môn rất đặc biệt. Quy củ thuyết pháp của đức Phật nhất định là phải có người thỉnh pháp rồi mới thuyết pháp. Nói chung là có người khai thỉnh, có như vậy thì mọi người mới tôn trọng Phật pháp. Không có ai đến hỏi, mà Phật tự nói thì pháp môn ấy có hai ý nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất là cơ duyên [của thánh chúng] chín muồi.

- Ý nghĩa thứ hai là [pháp sẽ được nói ấy] hết sức trọng yếu, tuy mọi người không hỏi vẫn phải nên nói.

Kinh Di Đà thuộc loại Vô Vấn Tự Thuyết. Kinh này tuy không có ai khai thỉnh, nhưng duyên đã chín muồi, người trong thế giới này có thể tu pháp môn này, pháp môn này sẽ khiến cho quý vị thành tựu rất nhanh chóng. Do vậy, kinh này hết sức trọng yếu. Nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa đều chẳng trọng yếu bằng kinh này. Nay quý vị học Hoa Nghiêm, học Pháp Hoa, chẳng thể vãng sanh trong một đời, chỉ có thể gieo thiện căn mà thôi! Chiều theo phương pháp ấy để tu hành, sẽ chẳng thể thành tựu trong một đời. Pháp môn này có thể thành tựu ngay trong một đời, quyết định thành tựu. Do vậy, pháp môn này là chẳng thể không nói.

(Diễn) Nhân Duyên, Thí Dụ, Bốn Sự, Bốn Sanh, Phương Quảng, Vị Tăng Hữu, Luận Nghị.

(演) 因緣，譬喻，本事，本生，方廣，未曾有，論議。

(Diễn: Nhân Duyên, Thí Dụ, Bốn Sự, Bốn Sanh, Phương Quảng, Vị Tăng Hữu, Luận Nghị).

Loại thứ sáu là Nhân Duyên (Nidāna), loại thứ bảy là Thí Dụ (Avadāna), loại thứ tám là Bồn Sự (Itivrttaka), loại thứ chín là Bồn Sanh (Jātaka). Bồn Sự và Bồn Sanh đều là Phật kể những câu chuyện hoặc công án trong khi Ngài còn tu nhân, đều là những chuyện tu hành trong quá khứ để chúng ta tham khảo, hiểu đức Phật đã tu hành thành tựu như thế nào trong đời đời kiếp kiếp, nêu gương cho chúng ta. Loại thứ mười là Phương Quảng (Vaipulya). Phương Quảng là danh xưng chung của các kinh Đại Thừa, Lý phương chánh (chính xác, chân thật), Dụng quảng đại (rộng lớn). Loại thứ mười một là Vị Tăng Hữu (Adbhutadharma), những điều được giảng trong kinh đều chẳng thể nghĩ bàn, là những Lý và Sự hết sức hy hữu. Loại thứ mười hai là Luận Nghị (Upadeśa), đây là những thứ nghiên cứu, thảo luận, và rất nhiều cuộc vấn đáp của các đệ tử Phật nhằm thảo luận vấn đề.

Trong kinh Phật có mười hai thể tài, cổ nhân dịch là “*mười hai bộ kinh*”. Mười hai bộ kinh chính là toàn thể kinh điển nhà Phật. Nếu hiểu kinh Phật chỉ có mười hai bộ là sai! Trong mỗi loại này, không biết có bao nhiêu bộ kinh! Về sau, cổ đại đức sợ người ta nhìn mặt chữ hiểu lầm nên dịch thành “*mười hai phần giáo*”, như vậy sẽ chẳng dễ gì hiểu lầm! Trong từ ngữ “*mười hai phần giáo*”, “*phần*” là bộ phận, cũng có thể hiểu là chủng loại, tức là có mười hai phương thức dạy học. Đây là giới thiệu đơn giản về Tam Tạng Thập Nhị Bộ.

“*Công Tam Tạng thập nhị bộ chi văn*” (dốc sức nơi văn tự của Tam Tạng mười hai phần giáo): Nếu quý vị thật sự phát tâm đọc Đại Tạng Kinh, thâm nhập kinh tạng, “*giác lộ di viên*” (đường giác ngộ xa vời): Kinh văn dài quá, khai ngộ xa vời không kỳ hạn, khó quá! Vừa bắt đầu đọc thì đọc phần trước chẳng biết phần sau, xem đến phần sau lại quên sạch phần trước, vô ích! Lại không có khả năng vừa xem qua liền chẳng quên, nói chung là được phần trước, sót phần sau. Ở đây, đại sư khuyên chúng ta đừng theo phương cách này, phải buông xuống, chuyên dốc sức nơi một bộ kinh, đại sư có ý này. Hãy chuyên dốc sức nơi một bộ kinh, chuyên niệm một câu A Di Đà Phật thì quý vị mới có khả năng thành công. Nếu chẳng dùng phương pháp này, muốn dùng biện pháp khác để thành công, tôi bảo quý vị: Tôi không tin. Quý vị tu Thiền hay Mật, tôi đều chẳng tin! Tôi chưa tham Thiền, nhưng kinh điển trọng yếu của nhà Thiền là Đàn Kinh, Đại Châu Hòa Thượng Ngữ Lục, Vĩnh Gia Đại Sư Thiền Tông Tập, Chúng Đạo Ca, tôi đều đã giảng qua. Tôi chẳng phải là kẻ xa lạ với Thiền, lý luận, phương pháp, cảnh giới nhà Thiền tôi đều hiểu. Đối

với Mật, cũng không phải là kẻ xa lạ. Tôi theo Chương Gia đại sư, tôi thân cận Ngài ba năm, những cách thức trong Mật Tông tôi cũng biết rất nhiều, chẳng thể lừa tôi được! Do vậy, quý vị nói có thể thành tựu nhờ pháp môn nào đó, tôi không tin. Pháp môn Niệm Phật có thể thành tựu, tôi tin sâu xa chẳng nghi, chắc chắn có thể thành công. Nay đã hết giờ rồi!